

Bản án số: 75/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17/9/2024

V/v tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Thu H

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị M

Ông Nguyễn Việt A

Thư ký phiên toà: Bà Vi Thanh H – Thư ký Toà án nhân dân quận Hoàng M,
Thành phố H

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa: Bà Võ
Thị Bích H- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hoàng Mai, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 493/2024/TLST-HNGĐ ngày 09/7/2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2024/QĐXX-ST ngày 28 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị G-** sinh năm 1984 (có mặt)

Nơi đăng ký thường trú: thôn Văn Ông, xã Tảo Dương Văn, huyện U, thành phố H.

Đăng ký tạm trú: số nhà 11 ngõ 99 Định Công, tổ 15 phường Định C, quận Hoàng M, thành phố H.

- Bị đơn: **Anh Nguyễn Khắc L** - sinh năm 1976 (có đơn xét xử vắng mặt)

Nơi đăng ký thường trú: thôn Văn Ông, xã Tảo Dương Văn, huyện Ứng Hòa, thành phố H.

Đăng ký tạm trú: số nhà 11 ngõ 99 Định Công, tổ 15 phường Định Công, quận Hoàng M, thành phố H.

Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 02- Công an thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 06/5/2024 và các văn bản tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị G trình bày:

Chị và anh Nguyễn Khắc L được tự do, tự nguyện tìm hiểu về chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 09/3/2004 tại UBND xã Tảo Dương Văn, huyện U, tỉnh H (nay là thành phố H). Vợ chồng sau khi kết hôn chung sống tại quận Hoàng M, thành phố H. Ngay sau khi kết hôn được thời gian ngắn thì chị phát hiện anh L bị nghiện ma túy. Chị và gia đình đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh L không cai nghiện được. Khoảng năm 2017, năm 2022, 2023 anh L nhiều lần có hành vi phạm tội về ma túy và phải chấp hành án phạt tù trong thời hạn khoảng 08 năm. Ngày 23/4/2024, anh L bị bắt về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 02 Công an thành phố H. Từ khi kết hôn đến nay do anh L nghiện ma túy phải đi chấp hành án tại các trại giam nên mình chị phải tự lo toan, gánh vác kinh tế trong gia đình. Chị không còn tình cảm với anh L, không muốn tiếp tục gắn bó chung sống với anh L và chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị và anh L có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Lan A sinh ngày 06/9/2004 và cháu Nguyễn Khánh L sinh ngày 09/11/2012. Cháu Lan A đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu xem xét. Chị G yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Khánh L, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị làm công việc tự do, bán hàng ăn sáng, bán nước, thu nhập trung bình khoảng 15.000.000 đồng/01 tháng, đảm bảo điều kiện chăm sóc con.

Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng chị không tranh chấp gì về tài sản chung, nợ chung và chị G không yêu cầu Tòa án xem xét.

Bị đơn là anh Nguyễn Khắc L trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị G được tự do tìm hiểu, tự nguyện về chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn năm 2004 tại UBND xã Tảo Dương Văn, huyện U, tỉnh H (nay là thành phố H). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa chỉ số 11 ngõ 99 Định Công, tổ 15 phường Định Công, quận Hoàng M, thành phố H. Năm 2008 anh bị nghiện ma túy và đi cai nghiện bắt buộc hơn hai năm. Năm 2014, anh bị kết án phạt tù 03 năm về tội Mua bán trái phép chất ma túy, năm 2021 bị kết án phạt tù 02 năm về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tháng 4 năm 2024 anh bị bắt về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 02 – Công an thành phố H. Trong thời gian anh bị kết án phạt tù về các hành vi phạm tội thì chị G đều quan tâm, qua lại có trách nhiệm đối với anh. Tuy nhiên anh nhận thấy trong thời gian anh đi chấp hành án

thì chị Giang là người lo toan kinh tế trong gia đình và chăm sóc các con. Anh L nhận thấy vẫn còn tình cảm với chị G, anh L không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh L và chị G có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Lan A sinh ngày 06/9/2004 và cháu Nguyễn Khánh L sinh ngày 09/11/2012. Cháu Lan A đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu xem xét. Trường hợp giải quyết ly hôn, do đang bị tạm giam nên anh L đồng ý cho chị G trực tiếp chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Khánh L.

Về tài sản chung, nợ chung: anh L không tranh chấp gì về tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét.

Anh L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa:

+Chị G: giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

+Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng M, Thành phố H có quan điểm:

-Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng; Các đương sự chấp hành đúng quyền nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

-Về nội dung: chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị G được ly hôn anh Nguyễn Khắc L; Về con chung: Chị G và anh L có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Lan A sinh ngày 06/9/2004 và cháu Nguyễn Khánh L sinh ngày 09/11/2012. Cháu Lan A đã đủ 18 tuổi nên không xem xét. Giao con chung là cháu Nguyễn Khánh L cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác; Về tài sản chung, nợ chung: các bên đương sự không yêu cầu nên không xét.

- Về án phí: Chị G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của Đại diện Viện Kiểm sát; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quan điểm của bị đơn, xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật giải quyết của vụ án là “Tranh chấp ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28- Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng M, thành phố H theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Khắc L đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Khắc L kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 09/3/2004 tại UBND xã Tảo Dương Văn, huyện U, tỉnh H (nay là thành phố H). Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Anh L không đồng ý ly hôn, tuy nhiên qua lời khai của anh L và tài liệu xác minh thể hiện cuộc sống vợ chồng anh chị có mâu thuẫn từ nhiều năm do anh L nghiện ma túy. Trong các lời khai chị G xác nhận đã nhiều lần tha thứ cho anh L, tuy nhiên đến nay chị không tin tưởng, không còn tình cảm với anh L. Tại phiên tòa, chị G vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy, anh L bị nghiện ma túy, nhiều lần bị kết án phạt tù nên không lo toan được kinh tế gia đình và chăm sóc các con, mặt khác hiện nay vợ chồng không chung sống được cùng nhau do anh L đang bị tạm giam về hành vi phạm tội, thể hiện hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị G là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ vào các Điều 51, 56 - Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị G được ly hôn anh Nguyễn Khắc L

[4] Về con chung: Chị G và anh L có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Lan A sinh ngày 06/9/2004 và cháu Nguyễn Khánh L sinh ngày 09/11/2012. Cháu Nguyễn Thị Lan A đã đủ 18 tuổi, đã thành niên, có khả năng lao động nên không xem xét. Cháu Nguyễn Khánh L có quan điểm muốn ở với mẹ. Xét thấy, anh L đang bị tạm giam nên không đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung, mặt khác anh L đồng ý giao con chung là cháu Khánh L cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó để đảm bảo điều kiện chăm sóc giáo dục tốt nhất cho con anh chị, phù hợp với nguyện vọng của cháu, Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Nguyễn Khánh L cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Anh L có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp các bên có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

[6]Về án phí: Chị G phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và điểm a khoản 5- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7]Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Điều 26- Luật thi hành án dân sự.
- Điểm a khoản 5- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị G. Chị Nguyễn Thị G được ly hôn anh Nguyễn Khắc L.
2. Về con chung: Chị G và anh L có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Lan A sinh ngày 06/9/2004 và cháu Nguyễn Khánh L sinh ngày 09/11/2012. Cháu Nguyễn Thị Lan A đã thành niên, có khả năng lao động nên không xem xét. Giao con chung là cháu Nguyễn Khánh L cho chị Nguyễn Thị G trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp các bên có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.
4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Giang đã nộp tại biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0033978 ngày 09/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng M, thành phố H. Chị Giang đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Khắc L quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hoàng Mai, TP Hà Nội;
- Chi cục THA quận Hoàng Mai;
- UBND xã Tảo Dương Văn, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội;
- Lưu HS vụ án.

Trần Thị Thu H